

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/7/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025 là 120.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Nguyễn Đức Tường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Giáp Minh Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Văn Viết Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đào Trung Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 12/2025/GUQ/VTB

ngày 06/8/2025 của Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình được lập ngày 18/8/2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác và Công ty kiểm toán khác, với kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 19/8/2024 và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 03/3/2025.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		127.508.398.330	127.582.420.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.653.552.302	13.195.920.709
1. Tiền	111		6.653.552.302	6.195.920.709
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		64.702.301.286	65.502.301.286
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(85.094.964)	(85.094.964)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	64.500.000.000	65.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.079.557.101	14.019.939.869
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	18.643.611.554	11.327.691.298
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.161.605.209	1.613.686.695
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.097.081.175	2.901.302.713
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.972.455.288)	(1.972.455.288)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	149.714.451
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	27.096.334.067	29.908.247.524
1. Hàng tồn kho	141		29.678.699.334	32.490.612.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.582.365.267)	(2.582.365.267)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.976.653.574	4.956.011.549
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	4.656.058.778	4.436.552.504
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.986.565	347.850.814
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	171.608.231	171.608.231
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		108.691.691.207	109.832.131.357
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.215.447.540	18.215.447.540
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	18.215.447.540	18.215.447.540
II. Tài sản cố định	220		60.101.326.617	62.700.445.235
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	43.539.067.433	45.824.323.333
- Nguyên giá	222		132.982.437.253	133.339.231.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.443.369.820)	(87.514.908.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	16.562.259.184	16.876.121.902
- Nguyên giá	228		26.804.994.698	26.804.994.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.242.735.514)	(9.928.872.796)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.330.512.273	9.330.512.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	9.330.512.273	9.330.512.273
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.746.476.556	17.568.916.319
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	17.746.476.556	17.568.916.319
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.297.928.221	2.016.809.990
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.020.927.935	795.587.672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	1.277.000.286	1.221.222.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		236.200.089.537	237.414.552.294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		49.767.477.329	50.919.392.331
I. Nợ ngắn hạn	310		23.018.007.260	27.196.909.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.684.693.553	1.792.100.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		673.398.382	125.824.482
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.748.097.425	1.720.585.480
4. Phải trả người lao động	314		3.595.862.514	5.133.698.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.592.976.004	2.991.372.947
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		261.600.000	261.600.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.591.746.341	9.944.368.593
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	2.854.779.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	972.607.356	988.182.356
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.897.025.685	1.384.397.109
II. Nợ dài hạn	330		26.749.470.069	23.722.482.974
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	14.941.127.345	12.962.237.505
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	11.004.367.441	9.932.916.491
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.12	803.975.283	827.328.978
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		186.432.612.208	186.495.159.963
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	186.432.612.208	186.495.159.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.820.500.000	119.820.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.820.500.000	119.820.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.032.634.427	69.032.627.878
3. Cổ phiếu quỹ	415		(23.523.036.791)	(23.523.044.392)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.329.014.307	10.329.014.308
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.887.127.638	7.689.317.170
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.916.115.781	1.550.829.198
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.971.011.857	6.138.487.972
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.886.372.627	3.146.744.999
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		236.200.089.537	237.414.552.294

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Trương Thị Thùy Linh

Trương Thị Thùy Linh

Đào Trung Thanh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	66.158.454.210	52.819.720.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	110.350.047	58.962.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	66.048.104.163	52.760.757.639
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	33.963.931.518	23.472.096.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		32.084.172.645	29.288.661.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.497.795.378	1.534.389.557
7. Chi phí tài chính	22	6.4	27.012.248	15.780.348
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.012.248	15.780.348
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		177.560.237	263.565.220
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	18.472.819.140	16.596.027.587
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.193.662.389	8.230.670.900
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		7.066.034.483	6.244.137.048
12. Thu nhập khác	31	6.7	2.608.729.886	33.384.315
13. Chi phí khác	32	6.7	2.335.509.526	26.290.351
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	273.220.360	7.093.964
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.339.254.843	6.251.231.012
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.706.122.574	1.333.691.048
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(79.131.663)	(6.535.440)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.712.263.932	4.924.075.404
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.971.011.857	5.275.275.093
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(258.747.925)	(351.199.689)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	553	488

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Trương Thị Thùy Linh

Trương Thị Thùy Linh

Đào Trung Thanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.339.254.843	6.251.231.012
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		2.731.118.618	2.815.835.911
- Các khoản dự phòng	03		(15.575.000)	418.820.327
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.968.822.150)	(1.528.031.230)
- Chi phí lãi vay	06		27.012.248	15.780.348
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.112.988.559	7.973.636.368
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.593.680.381)	2.650.280.786
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.811.913.457	(891.679.941)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.648.352.978	4.970.081.742
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.444.846.537)	1.090.989.749
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.012.248)	(15.780.348)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.752.924.235)	(685.176.137)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(940.375.111)	(2.759.347.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.814.416.482	12.333.004.455
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(132.000.000)	(463.277.586)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		366.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.000.000.000)	(63.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.800.000.000	48.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.158.007.493	3.970.572.325
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.192.189.311	(11.492.705.261)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2025	ngày 30/6/2024
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.250.000.000	2.513.734.750
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.104.779.000)	(2.173.734.750)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.694.195.200)	(3.329.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.548.974.200)	(2.989.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.542.368.407)	(2.148.800.806)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	13.195.920.709	4.232.459.666
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.653.552.302	2.083.658.860

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc









Trương Thị Thùy Linh

Trương Thị Thùy Linh

Đào Trung Thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/7/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025 là 120.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2025 là 111 người (tại ngày 31/12/2024 là 111 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đào tạo sơ cấp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo đại học; Đào tạo thạc sỹ;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, vật tư y tế, và kinh doanh dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<u>Các Công ty con trực tiếp</u>						
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	70,00%	70,00%	70,00%
3	Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	81,86%	81,86%	81,86%
<u>Các Công ty liên kết</u>						
1	Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Lô CN07-02, Khu Công nghiệp Bình Xuyên 2, Xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ	Khai thác cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	43,75%	43,75%	43,75%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 30/6/2025 bao gồm:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình - Nhà máy Sản xuất Lắp ráp Điện tử, Điện dân dụng và Tin học Cát Lái	Lô B5, Đường D1, KCN Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại Hà Nội	P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình – Nhà máy sản xuất, lắp ráp Tivi màu	06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình – Nhà máy Sản xuất Lắp ráp các sản phẩm điện tử - điện lạnh - dân dụng	B58/II-B59/II đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hạch toán phụ thuộc và không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán**Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Cụ thể:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch nêu trên được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán (Tiếp theo)

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại ngày 30/6/2025.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng...) Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2025.

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư Công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất của Công ty liên quan đến thửa đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc tại Lô B58-59/II Đường 2E, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 46 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cho thuê tài sản****Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí dịch vụ: Trích trước dựa theo Hợp đồng, thỏa thuận khi chưa nhận được hóa đơn tài chính có liên quan.
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lát: Trích trước dựa trên số tiền thuê đất đã thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê đất tại Khu công nghiệp cho thời hạn sử dụng đất, trong vòng 48 năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nếu khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo thì được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, không bao gồm (loại trừ) khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp, (khoản chênh lệch này) thì được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, được trích lập theo số lượng sản phẩm điện tử bán ra, tỷ lệ hư hỏng trong quá khứ, với thời gian trích lập theo thời gian bảo hành mà Công ty cam kết với khách hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (các mặt hàng điện tử, thiết bị y tế), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình) sau khi điều chỉnh phân trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty chỉ cung cấp một loại dịch vụ/sản phẩm, đồng thời, vị trí địa lý của khách hàng và tài sản của Công ty đều nằm trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy, Ban Tổng Giám đốc không lập Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	21.394.520	11.299.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.632.157.782	6.184.620.832
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
Tổng	6.653.552.302	13.195.920.709

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	64.500.000.000	64.500.000.000	65.300.000.000	65.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	64.500.000.000	64.500.000.000	65.300.000.000	65.300.000.000
Tổng	64.500.000.000	64.500.000.000	65.300.000.000	65.300.000.000

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất áp dụng là 4,1% - 4,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
Cổ phiếu		287.396.250		(85.094.964)		287.396.250		(85.094.964)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	129.750	287.396.250		(85.094.964)	129.750	287.396.250		(85.094.964)
Tổng		287.396.250		(85.094.964)		287.396.250		(85.094.964)

c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết			17.500.000.000		17.746.476.556	17.500.000.000		17.568.916.319
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	43,75%	43,75%	17.500.000.000		17.746.476.556	17.500.000.000		17.568.916.319
Tổng			17.500.000.000		17.746.476.556	17.500.000.000		17.568.916.319

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacity	4.079.558.638	2.234.691.015
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tin học và Quảng cáo Đăng Khôi	1.018.500.000	1.018.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Diệp Thảo	3.388.033.000	191.884.000
Các đối tượng khác	10.157.519.916	7.882.616.283
Tổng	18.643.611.554	11.327.691.298

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	1.161.605.209	1.613.686.695
Công ty TNHH MTV Thạch Trương	243.688.500	-
Oceanview (Guangdong) Sci-Tech Co., Ltd.	551.145.000	-
Guangdong Soho Technology Co., Ltd.	224.252.760	-
Fudio Technology Limited	-	1.417.727.644
Các đối tượng khác	142.518.949	195.959.051
b) Dài hạn	18.215.447.540	18.215.447.540
Công ty TNHH Một Thành Viên	18.215.447.540	18.215.447.540
Dịch vụ Công ích Quận 2 (i)		
Tổng	19.377.052.749	19.829.134.235

- (i) Khoản trả trước liên quan đến Hợp đồng nguyên tắc thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2) tại phường Cát Lát, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết về Hợp đồng nguyên tắc thuê đất liên quan đến khoản nợ tiềm tàng của Công ty, chi tiết tại Thuyết minh số 7.2.

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	3.303.895.698	-	1.202.708.103	-
Phải thu lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	1.538.098.630	-	1.271.026.028	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.226.464	-	15.426.464	-
Các khoản khác	1.222.860.383	(294.065.022)	412.142.118	(294.065.022)
Tổng	6.097.081.175	(294.065.022)	2.901.302.713	(294.065.022)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Nợ xấu

30/6/2025 (VND)					01/01/2025 (VND)				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng		1.795.133.355	116.743.089	(1.678.390.266)			1.795.133.355	116.743.089	(1.678.390.266)
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cường Nga	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	185.157.864	116.743.089	(68.414.775)		Từ 6 tháng đến trên 3 năm	185.157.864	116.743.089	(68.414.775)
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại TOPCARE	Trên 3 năm	279.768.060	-	(279.768.060)		Trên 3 năm	279.768.060	-	(279.768.060)
Công ty Cổ phần DIGICITY Việt Nam	Trên 3 năm	152.388.320	-	(152.388.320)		Trên 3 năm	152.388.320	-	(152.388.320)
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Bình An	Trên 3 năm	208.300.042	-	(208.300.042)		Trên 3 năm	208.300.042	-	(208.300.042)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Starnec	Trên 3 năm	105.564.146	-	(105.564.146)		Trên 3 năm	105.564.146	-	(105.564.146)
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Quốc tế INCOTEC	Trên 3 năm	239.228.212	-	(239.228.212)		Trên 3 năm	239.228.212	-	(239.228.212)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	624.726.711	-	(624.726.711)		Trên 3 năm	624.726.711	-	(624.726.711)
Phải thu khác		294.065.022	-	(294.065.022)			294.065.022	-	(294.065.022)
Ông Phạm Huy Toàn	Trên 3 năm	36.671.526	-	(36.671.526)		Trên 3 năm	36.671.526	-	(36.671.526)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	257.393.496	-	(257.393.496)		Trên 3 năm	257.393.496	-	(257.393.496)
Tổng		2.089.198.377	116.743.089	(1.972.455.288)			2.089.198.377	116.743.089	(1.972.455.288)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.051.959.192	(862.298.483)	4.366.831.443	(908.433.307)
Thành phẩm	12.319.523.625	(644.658.665)	8.689.624.503	(617.180.424)
Hàng hóa	12.307.216.517	(1.075.408.119)	19.434.156.845	(1.056.751.536)
Tổng	29.678.699.334	(2.582.365.267)	32.490.612.791	(2.582.365.267)

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.656.058.778	4.436.552.504
Chi phí sửa chữa tài sản	2.139.213.623	1.925.959.018
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.077.627.993	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.439.217.162	2.510.593.486
b) Dài hạn	2.020.927.935	795.587.672
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	217.404.127	33.126.288
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.803.523.808	762.461.384
Tổng	6.676.986.713	5.232.140.176

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	88.013.910.802	38.888.224.078	6.325.978.529	111.118.571	133.339.231.980
Tăng trong kỳ	-	132.000.000	-	-	132.000.000
Mua trong kỳ	-	132.000.000	-	-	132.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Số dư tại ngày 30/6/2025	88.013.910.802	39.020.224.078	5.837.183.802	111.118.571	132.982.437.253
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	48.421.248.681	33.087.724.318	5.894.817.077	111.118.571	87.514.908.647
Tăng trong kỳ	1.416.062.934	955.426.353	45.766.613	-	2.417.255.900
Khấu hao trong kỳ	1.416.062.934	955.426.353	45.766.613	-	2.417.255.900
Giảm trong kỳ	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Số dư tại ngày 30/6/2025	49.837.311.615	34.043.150.671	5.451.788.963	111.118.571	89.443.369.820
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	39.592.662.121	5.800.499.760	431.161.452	-	45.824.323.333
Tại ngày 30/6/2025	38.176.599.187	4.977.073.407	385.394.839	-	43.539.067.433

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 53.404.215.958 VND (tại ngày 01/01/2025: 52.684.947.209 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	26.132.193.780	672.800.918	26.804.994.698
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	26.132.193.780	672.800.918	26.804.994.698
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	9.336.071.874	592.800.922	9.928.872.796
Tăng trong kỳ	303.862.716	10.000.002	313.862.718
Khấu hao trong kỳ	303.862.716	10.000.002	313.862.718
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	9.639.934.590	602.800.924	10.242.735.514
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	16.796.121.906	79.999.996	16.876.121.902
Tại ngày 30/6/2025	16.492.259.190	69.999.994	16.562.259.184

Quyền sử dụng đất của Công ty đặt tại Đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng đất đến năm 2047.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 572.800.918 VND (tại ngày 01/01/2025: 572.800.918 VND).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
b) Xây dựng cơ bản	9.330.512.273	9.330.512.273
Công trình VTB Green Building (i)	9.330.512.273	9.330.512.273
Tổng	9.330.512.273	9.330.512.273

- (i) Tính đến thời điểm 30/6/2025, Công trình VTB Green Building tại số 06 Phạm Văn Hai, quận Tân Bình, phường 2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh) đang trong thời gian giải quyết các vấn đề pháp lý, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện công trình. Đồng thời, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 51/2024/NQ-VTB-HĐQT ngày 11/10/2024 về việc tiếp tục thực hiện các phần việc của dự án tại Khu đất nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.277.000.286	1.221.222.318
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.277.000.286	1.221.222.318
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	803.975.283	827.328.978
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	803.975.283	827.328.978
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tin học K&C	926.578.188	926.578.188	698.569.963	698.569.963
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Network Hub	-	-	91.630.000	91.630.000
Phải trả người bán khác	1.758.115.365	1.758.115.365	1.001.900.627	1.001.900.627
Tổng	2.684.693.553	2.684.693.553	1.792.100.590	1.792.100.590

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp	1.720.585.480	19.074.470.425	18.046.958.480	2.748.097.425
Thuế giá trị gia tăng	699.656.517	5.569.281.628	4.509.167.230	1.759.770.915
Thuế xuất, nhập khẩu	-	160.974.741	160.974.741	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	985.301.773	1.706.122.574	1.752.924.235	938.500.112
Thuế thu nhập cá nhân	35.627.190	342.359.625	328.160.417	49.826.398
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	11.123.638.713	11.123.638.713	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	172.093.144	172.093.144	-
Phải thu	171.608.231	-	-	171.608.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	171.608.231	-	-	171.608.231

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.15 Chi phí phải trả

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	3.592.976.004	2.991.372.947
Chi phí hỗ trợ quảng cáo, nhà phân phối khu vực Phía Nam	473.239.250	291.920.064
Chi phí vận chuyển, lắp đặt	658.525.852	583.299.224
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.461.210.902	2.116.153.659
b) Dài hạn	14.941.127.345	12.962.237.505
Trích trước phân phân bổ chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái	4.741.127.345	4.462.237.505
Chi phí phải trả dài hạn khác	10.200.000.000	8.500.000.000
Tổng	18.534.103.349	15.953.610.452

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	6.591.746.341	9.944.368.593
Kinh phí công đoàn	51.675.860	79.692.958
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	24.196.825	13.424.895
Cổ tức phải trả	6.461.651.500	9.834.038.700
Phải trả ngắn hạn khác	54.222.156	17.212.040
b) Dài hạn	11.004.367.441	9.932.916.491
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.954.367.441	9.932.916.491
Phải trả về Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	50.000.000	
Tổng	17.596.113.782	19.877.285.084

Trong đó,

Phải trả cho các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

4.711.984.000

5.989.464.000

- (i) Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 001/2025/HĐHTKD ngày 15/4/2025 về việc hợp tác khai thác quảng cáo trên tivi để triển khai cho khách hàng của các bên góp vốn tại các địa điểm công cộng đồng người. Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB, một Công ty con của Công ty, là đơn vị quản lý phần vốn góp từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh mà không hình thành pháp nhân, tỷ lệ góp vốn mỗi đơn vị cho Hợp đồng Hợp tác kinh doanh là 25% trên tổng số vốn góp của hoạt động hợp tác kinh doanh, chia đều cho 4 đơn vị góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Việc phân chia lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh căn cứ trên giá trị Hợp đồng từ các khách hàng mà các đơn vị tìm kiếm được, đơn vị nào tìm kiếm được khách hàng sẽ được phân chia 40% trên giá trị Hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết thành công.

5.17 Dự phòng phải trả

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm	972.607.356	988.182.356
Tổng	972.607.356	988.182.356

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
248A Nơ Trang Long
Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2025 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
Tổng	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	119.820.500.000	69.032.627.878	(23.523.044.392)	10.329.014.308	7.286.508.360	3.484.603.666	186.430.209.820
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	11.540.747.972	(324.531.731)	11.216.216.241
Trích: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.263.871.162)	(13.326.936)	(1.277.198.098)
Trích Quỹ Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.724.068.000)	-	(9.724.068.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	119.820.500.000	69.032.627.878	(23.523.044.392)	10.329.014.308	7.689.317.170	3.146.744.999	186.495.159.963
Số dư tại ngày 01/01/2025	119.820.500.000	69.032.627.878	(23.523.044.392)	10.329.014.308	7.689.317.170	3.146.744.999	186.495.159.963
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	5.971.011.857	(258.747.925)	5.712.263.932
Trích Quỹ phúc lợi tại Công ty mẹ (i)	-	-	-	-	(1.300.000.000)	-	(1.300.000.000)
Trích Quỹ Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(4.321.808.000)	-	(4.321.808.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty con	-	-	-	-	(1.531.880)	(1.471.807)	(3.003.687)
Biến động khác	-	6.549	7.601	(1)	138.491	(152.640)	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	119.820.500.000	69.032.634.427	(23.523.036.791)	10.329.014.307	7.887.127.638	2.886.372.627	186.432.612.208

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2025/NQ-VTB-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025:
- Trích Quỹ phúc lợi: 1.300.000.000 VND;
 - Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát: 150.000.000 VND;
 - Chia cổ tức: 9%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 9.724.068.000 VND, trong đó phần đã tạm ứng cổ tức năm 2024 (5%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 5.402.260.000), phần còn lại được chia vào năm 2025 là 4%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 4.321.808.000 VND.

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	6.654.960	55,54%	66.549.600.000	6.654.960	55,54%	66.549.600.000
Các cổ đông khác	5.327.090	44,46%	53.270.900.000	5.327.090	44,46%	53.270.900.000
Tổng	11.982.050	100,00%	119.820.500.000	11.982.050	100,00%	119.820.500.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức, lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	119.820.500.000	119.820.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	119.820.500.000	119.820.500.000
Cổ tức đã chia	4.321.808.000	4.321.808.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.177.530
Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.177.530
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.804.520
Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.804.520
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.329.014.307	10.329.014.308
Tổng	10.329.014.307	10.329.014.308

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 30/6/2025, Công ty đang quản lý, sử dụng các thửa đất thuê của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất theo Thông báo của Thuế địa phương nơi các thửa đất.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.158.454.210	52.819.720.023*
Tổng	66.158.454.210	52.819.720.023*
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	86.895.501	58.962.384
Giảm giá hàng bán	23.454.546	-
Tổng	110.350.047	58.962.384
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.048.104.163	52.760.757.639
Tổng	66.048.104.163	52.760.757.639

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	33.963.931.518	23.973.785.989
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(501.689.456)
Tổng	33.963.931.518	23.472.096.533

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.425.080.095	1.528.031.230
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	11.887.435	6.358.327
Doanh thu hoạt động tài chính khác	60.827.848	-
Tổng	1.497.795.378	1.534.389.557

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	27.012.248	15.780.348
Tổng	27.012.248	15.780.348

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	4.595.486.830	4.182.231.052
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	66.262.079	59.207.214
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.313.500	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.702.506.875	2.804.169.725
Chi phí bảo hành sản phẩm	(15.575.000)	351.755.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.610.951.761	1.179.507.466
Chi phí bằng tiền khác	9.500.873.095	8.019.156.339
Tổng	18.472.819.140	16.596.027.587

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.330.454.695	5.357.929.954
Chi phí vật liệu quản lý	124.158.318	173.202.620
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.616.724	102.187.935
Thuế phí và lệ phí	2.066.000	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(12.468.556)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	364.067.059	371.619.478
Chi phí bằng tiền khác	2.329.299.593	2.238.199.469
Tổng	8.193.662.389	8.230.670.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	366.181.818	-
Thu tiền bồi thường của bảo hiểm	2.106.334.980	-
Thu tiền phạt hợp đồng	105.068.690	-
Các khoản khác	31.144.398	33.384.315
Tổng	2.608.729.886	33.384.315
Chi phí khác		
Xuất hàng tồn kho trả bảo hiểm tiền bồi thường	2.270.692.402	-
Chi hỗ trợ người lao động	60.000.000	-
Các khoản khác	4.817.124	26.290.351
Tổng	2.335.509.526	26.290.351
Lợi nhuận khác	273.220.360	7.093.964

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.706.122.574	1.333.691.048
Tổng	1.706.122.574	1.333.691.048

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	49.242.529
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(55.777.968)	(55.777.969)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(23.353.695)	-
Tổng	(79.131.663)	(6.535.440)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.971.011.857	5.275.275.093
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (i)	5.971.011.857	5.275.275.093
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.804.520	10.804.520
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	553	488

- (i) Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.238.537.575	8.218.717.824
Chi phí nhân công	12.727.766.065	11.743.104.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.731.118.618	2.815.835.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.034.765.349	1.717.952.789
Hoàn nhập các khoản dự phòng	-	(12.468.556)
Chi phí khác bằng tiền	14.118.913.602	17.601.188.043
Tổng	62.851.101.209	42.084.330.150

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát,	Cùng Công ty mẹ
4	Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng, và các khoản thu nhập khác	416.619.000	408.893.000

Chi tiết thu nhập của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác như sau:

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch HĐQT	8.000.000	-
Ông Vũ Hải Vĩnh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	16.000.000	24.000.000
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Nguyên Thành viên	-	12.000.000
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Giáp Minh Trung	Nguyên Thành viên	12.000.000	18.000.000
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên	18.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Đức Tường	Thành viên	6.000.000	-
Tổng		96.000.000	96.000.000

Thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Thành viên	4.000.000	-
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Vũ Văn Tuấn	Nguyên thành viên	8.000.000	12.000.000
Tổng		42.000.000	42.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Ông Văn Viết Tuấn	Tổng Giám đốc	154.909.000	149.038.000
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc	123.710.000	121.855.000
Tổng		278.619.000	270.893.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
Giao dịch khác			2.711.984.000	2.661.984.000
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức đã trích	2.661.984.000	2.661.984.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	Nhận tiền góp vốn từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	50.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025	01/01/2025
		VND	VND
Phải trả khác		4.711.984.000	5.989.464.000
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ	4.661.984.000	5.989.464.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	50.000.000	-

7.2 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 với Công ty Quản lý nhà & Phát triển Nhà Quận 2 Tp. Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Dịch vụ Công ích Quận 2) về việc thuê và cho thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2), Quận 2 – Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm 30/6/2025, Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 VND tương ứng với 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc), đồng thời theo dõi trên số dư khoản mục “Trả trước cho người bán dài hạn”. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các bên chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất chính thức. Do vậy, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi chính thức ký Hợp đồng.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ để đảm bảo số liệu năm nay phù hợp và có thể so sánh được với số liệu năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (tóm lược)

	Mã số	Số đã trình bày kỳ trước VND	Số trình bày lại VND	Phân loại lại VND	Ghi chú
Giá vốn hàng bán	25	16.874.929.288	23.472.096.533	6.597.167.245	(i)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	35.885.828.351	29.288.661.106	(6.597.167.245)	
Chi phí bán hàng	26	23.193.194.832	16.596.027.587	(6.597.167.245)	(i)

(i) *Phân loại lại chi phí nhà xưởng phục vụ sản xuất.*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thùy Linh

Trương Thị Thùy Linh

Đào Trung Thanh



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org